

# **KINH ĐẠI NHẬT**

## **QUYỂN 4**

Bản cập nhật tháng 6/2014

<http://kinhmatgiao.wordpress.com>



Tụng là :  
 “Đây Đại Ân Cứu Thế  
 Của tất cả chư Phật  
 Chính Giác Tam Muội Gia  
 An trụ nơi Ân này”

2) Lại dùng tay Định Tuệ (2 bàn tay) nắm quyền, co Hư Không Luân (ngón cái) vào trong lòng bàn tay, duỗi Phong Luân (Ngón trỏ) ra. Đây là **Ân Tinh Pháp Giới** (Suddha-dharmadhātu- mudra)



Chân Ngôn là :

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đạt ma đà đồ (2) tát-phộc bà phộc cú ngân (3)**”

ॐ नमोऽस्यै सर्वज्ञानं धर्मदत्तं सर्वधर्मकं ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DHARMA-DHĀTU SVABHĀVAKA-UHAM

3) Lại dùng tay Định Tuệ (2 tay), nắm Luân (5 ngón tay) cùng hàng lần lượt nghiêng vào cùng móc nhau. Riêng 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) cong đầu cùng hướng vào nhau.



Tụng là:

“Đây gọi là **Thắng Nguyện**

**Cát Tường Pháp Luân Ân** (Vara-śwī-dharma-cakra-mudra)

Bậc Thế Y cứu thế

Thầy đều chuyên Luân ấy”

Chân Ngôn là :

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Phật chiết-la đát-ma cú ngân (2)**”

ॐ नमोऽस्यै सर्वज्ञानं वज्रत्मकं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VAJRA-ATMAKA-UHAM

4) Lại duỗi 2 tay Định Tuệ, tác **Quy Mệnh Hợp Chương**, Phong Luân (ngón trỏ) cùng vê cuốn lại, đặt 2 Không Luân (2 ngón cái) lên trên, hình như **Khiết Già** (Khaḍga: cây đao).



Tụng là :

Đây Ấn **Đại Tuệ Đạo** (Mahā-jñāna-khaḍga-mudra)

Tất cả Phật đã nói

Hay đoạn trừ chur **Kiến** (Darśana)

Là **Câu Sinh Thân Kiến** (Sahaja-satkāya-drṣṭi)

Chân Ngôn là :

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Ma ha khiết già vi la đồ (2) đạt ma san nại la-xa ca sa ha đồ (3) , tát ca gia nại lật sắt-trí xé nặc ca (4) Đát tha nghiệt đa địa mục cật-để nhĩ xã đa (5) vi la già đạt ma nễ xã đa hàm (6)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-KHAḌGA VIRAJA DHARMA SAMDARŚAKA SAHAJA-SATKĀYA-DRṢṬI CCHEDAKA TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJĀTA VIRĀGA DHARMA NIRJĀTA HŪM

5) Lại chấp hai tay Định Tuệ sao cho giữa rỗng không (Hư Tâm Hợp Chưởng) Co hai Phong Luân (2 ngón trỏ), đem hai Không Luân (2 ngón cái) bám chặt chúng, hình như Thương Khư (Śaṅkha: vỏ ốc)



Tụng là:

“Đây gọi là **Thắng Nguyện**

**Cát Tường Pháp Loa Ấn** (Vara-srī-dharma-śaṅkha-mudra)

Chư Phật, Thầy của đời

Bồ Tát, Đấng Cứu Thế

Đều nói Pháp **Vô Cấu** (không như bản)

Đến Niết Bàn vắng lặng”

Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Âm**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AM

6) Lại đem hai tay Định Tuệ hợp cùng nhau, duỗi bung các ngón tay rộng ra giống như hình **Kiện Tra** (Ghaṃṭa: cái chuông) Hai Địa Luân (2 ngón út) hai Không Luân (2 ngón cái) cùng giữ nhau, khiến cho Hỏa Phong Luân (ngón giữa và ngón trỏ) hòa hợp .



Tụng là:

**“Cát Tường Nguyên Liên Hoa (Śrī-vara-padma)**

Chư Phật, Đấng Cứu Thế

Tòa Kim Cương bất hoại

Giác ngộ gọi là Phật

Bồ Đề với Phật Tử

Thầy đều từ đây sinh”

Chân Ngôn là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A”**

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् अह

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AḤ

7) Lại dùng 2 tay Định Tuệ, hướng năm Luân (5 ngón tay) ra ngoài nắm quyền, dựng đứng Hỏa Luân (Ngón giữa) duỗi hai Phong Luân (2 ngón trỏ) co lại như hình móc câu để bên cạnh Hỏa Luân (ngón giữa). Hư Không Địa Luân (ngón cái và ngón út) chỉ thẳng lên, Thủy Luân (ngón vô danh) giao hợp như Bạt Chiết La (Vajra: chày Kim Cương)



Tụng là:

**“Kim Cương Đại Tuệ Ấn (Vajra-prajñā-mudra)**

Hoại thành quách Vô Trí (Ajñāna: không có Trí)

Đánh thức kẻ say ngủ

Trời Người chẳng thể hoại”

Chân Ngôn là:

**“Nam ma tam mạn đa phật chiết-la noãn (1) Hàm“**

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् हुम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HŪM

8) Lại dùng 2 tay Định Tuệ, hướng năm Luân (5 ngón tay) vào trong nắm quyền. Dựng đứng Hỏa Luân (Ngón giữa) đặt hai Phong Luân (2 ngón trỏ) bên cạnh ngón giữa, cong đều 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) song song nhau



Tụng là:

**“Đây tức Ma Ha Ấn ( Mahā-mudra: Đại Ấn )**

Ấy là Như Lai Đỉnh (Tathāgatoṣṇīṣa-mudra)

Vừa mới kết tác xong

Liên đồng với Thế Tôn”

Chân Ngôn là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hàm hàm“**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HŪM HŪM

9) Lại dùng tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền đặt ở My Gian (Tam Tinh)



Tụng là:

“Đây là **Hào Tướng Tạng** (Ūṇā-kośa)

Phật thường Mãn Nguyện Ấn

Do mới kết Ấn này

Liên đồng Nhân Trung Thắng”

Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A ngạn nhượ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AḤ HAṀ JAḤ

10) Trụ Du Già Tọa, tương ứng với việc ôm bình bát. Đem tay Định Tuệ cùng để ngay lỗ rốn. Đây gọi là **Thích Ca Mâu Ni Đại Bát Ấn** (Śākyamuṇi-mahā-patramudra)



Chân Ngôn là:

**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Bà**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ BHAḤ

11) Tiếp, lại dùng tay Trí Tuệ (tay phải) hướng lên trên làm hình Thí Vô Úy (Abhayamḍāda-mudra: Thí Vô Úy Ấn)



Tụng là:

“Hay ban sự Vô Úy (Abhayam: không sợ hãi)

Cho các loại chúng sinh

Nếu kết Đại Ấn này

Là bậc Thí Vô Úy”

Chân Ngôn là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát bà tha (2) nhĩ na nhĩ na (3) bội  
dã xa na (4) toa ha (5)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVATHĀ JINA JINA \_  
BHAYA NĀŚANA\_ SVĀHĀ

12) Tiếp, lại dùng tay Trí Tuệ (tay phải) rũ xuống làm hình Thí Nguyện (Varada)



Tụng là:

“**Dữ Nguyện Ân** (Varada-mudra ) như vậy

Điều **Thế y** (thầy thuốc của đời) đã nói

Vừa mới kết **Ân** này

Chư Phật mãn nguyện **ây**”

Chân Ngôn là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) **Phộc la na, phật chiết-la đát-ma ca (2)**  
**toa ha**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय वज्रं वासुदेवस्य ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VARADA VAJRA-ATMAKA \_  
SVĀHĀ

13) Tiếp, lại dùng Tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền, đuổi Phong Luân (ngón trỏ)  
làm hình **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkuṭi: nhãn mày) trụ ở **Đẳng Dẫn** (Samāhita)



Tụng là:

“Dùng **Đại Ân** như vậy

Chư Phật, Tôn Cứu **Thế**

Khủng bố các điều chướng

Tùy ý thành **Tất Địa** (Siddhi)

Bởi vì kết **Ân** đó

Chúng Ma Quân đại ác

Với loài gây chướng khác

Hết thầy phải chạy tan”

Chân Ngôn là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) **Ma ha mạn la phộc đề (2) nại xa phộc**  
**lộ ốt-bà phệ (3) ma ha muội đát-lý-dã, tỳ dữu ốt- nghiệt đề (4) toa ha**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय मन्त्रं वलं वलं ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय







19) Liên dùng Ấn này, duỗi thẳng Thủy Luân (ngón vô danh) còn bao nhiêu cũng cho đứng thẳng thì gọi là **Như Lai Yêu** (eo lưng của Như Lai) **Ấn**.



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa tam bà phộc (2) toa ha**”

ॐ नमोऽस्तुते सर्वबुद्धाय नमोऽस्तुते सर्वबुद्धाय नमोऽस्तुते सर्वबुद्धाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA SAMBHAVA \_ SVĀHĀ

20) Lại chắp hai tay Định Tuệ sao cho giữa trống không (Không Tâm Hợp Chưởng) co hai Phong Luân (2 ngón trỏ) vào bên trong, hai Thủy Luân (2 ngón vô danh) cũng vậy. Hơi co hai Địa Luân (2 ngón út) rồi duỗi Hỏa Luân (ngón giữa). Đây là **Như Lai Tạng An** (Tathāgata-garbha-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tát bà đát tha nghiệt đế tệt (1) lam lam lạc lạc (2) toa-phộc ha**”

ॐ नमोऽस्तुते सर्वबुद्धाय नमोऽस्तुते सर्वबुद्धाय नमोऽस्तुते सर्वबुद्धाय

\*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ \_ RAṀ RAṀ\_ RAḤ RAḤ\_ SVĀHĀ

21) Liên dùng Ấn này, bung Thủy Luân (ngón vô danh) hướng lên trên thì gọi là **Đại Giới Ấn** (Mahā-dhātu-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Lệ lỗ bồ lý, vi củ lệ (2) toa ha (3)**”

ॐ नमोऽस्तुते सर्वबुद्धाय नमोऽस्तुते सर्वबुद्धाय नमोऽस्तुते सर्वबुद्धाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ LELLUPURI VIKULE\_ SVĀHĀ

22) Liên dùng Ấn này, hai Hỏa Luân (ngón giữa) co cong móc hợp cùng nhau, duỗi bung Phong Luân (ngón trỏ) thì gọi là **Vô Kham Nhẫn Đại Hộ Ấn** (Akṣānti-mahā-pāla- mudra)



25) Co hai Thủy Luân (2 ngón vô danh), 2 Không Luân (2 ngón cái) hợp lại nhập vào lòng bàn tay đè trên 2 Thủy Luân. Đây là **Như Lai Thiệt Tướng** (cái lưỡi của Như Lai) **Ấn** (Tathāgata-jihva-mudra)



Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa nhĩ ha-phộc (2) tát đê-dã đạt ma bát-la sắt xỉ đa (3) toa ha (4)**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् तथगतं जिव्हा सत्यधर्म प्रतिष्ठिता स्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA \_ SVĀHĀ

26) Dùng Ấn này, khiến Phong (ngón trỏ) Thủy Luân (ngón vô danh) co lại vịn nhau. Hướng Không Luân (ngón cái) lên trên rồi hơi co lại. Dựng thẳng Hỏa Luân (ngón giữa) hợp nhau, Địa Luân (ngón út) cũng như vậy thì gọi là **Như Lai Ngũ Môn Ấn** (Tathāgata-mahā-vāktra- mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa ma ha phộc cật-đát-la (2) vi thấp-phộc nhượng năng ma hộ na dã (3) toa ha (4)**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् तथगतं महावक्त्रा विश्वज्ञानाम् महोदया स्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA MAHĀ-VĀKTRA VIŚVA-JÑĀNĀM MAHODAYA\_ SVĀHĀ

27) Như Ấn trước, co 2 Phong Luân (2 Ngón trỏ) vào lòng bàn tay rồi hướng lên trên. Đây gọi là **Như Lai Nha** (Răng nanh của Như Lai) **Ấn** (Tathāgata-damṣṭra-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa năng sắt-tra-la (2) la sa la sa khát-la (3) tham bát-la bác ca (4) Tát bà đát tha nghiệt đa (5) vi sái dã, tham bà phộc (6) toa ha (7)**”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः  
 नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-DAMṢṬRA\_ RASA  
 RASA AGRA SAṀPRĀPAKA \_ TATHĀGATA-VIṢAYA SAṀBHAVA\_  
 SVĀHĀ

28) Lại như tướng Ấn trước, đem 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) hướng lên trên rồi  
 cong lóng thứ ba. Đây là **Như Lai Biện Thuyết Ấn**.



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A chấn đê-dã ná-bộ đa (2) Lộ ba phộc  
 tam ma đá, bát-la bát-đa (3) vi thâu đà sa-phộc la (4) toa ha**”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः  
 नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ACINTYA ADBHUTA RŪPA  
 VĀK SAMANTA-PRĀPTA VIṢUDDHA-SVARA\_ SVĀHĀ

29) Lại nữa, chắp tay Định Tuệ thành Không Tâm Hợp Chương, 2 Địa Luân  
 (ngón út) Không Luân (ngón cái) co vào hợp nhau. Đây là **Như Lai Trì Thập Lục Ấn**  
 (Tathāgata-daśabalāṃga-dhāra-mudra)



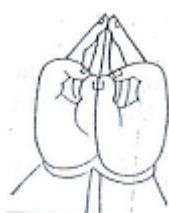
Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nại xa ma lãng già đạt la (2) hàm  
 tham nhiệm (3) toa ha (4)**”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः  
 नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DAŚA-BALĀṂGA-DHĀRA\_ HŪM  
 SAṀ JAM \_ SVĀHĀ

30) Lại như Ấn trước, đem 2 Không Luân (2 ngón cái) Phong Luân (ngón trỏ) co  
 lóng trên hợp cùng nhau. Đây là **Như Lai Niệm Xứ Ấn** (Tathāgata-smṛti-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa sa-ma-lật đễ (2) tát đỏa hệ đá tệt ốt nghiệt đa (3) già già na tầm mang tầm ma (4) toa ha (5)”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-SMṚTI SATVA HĪTA ABHYUDGATA\_ GAGANA SAMA ASAMA\_ SVĀHĀ

31) Lại như Ấn trước, đặt 2 Không Luân (2 ngón cái) bên trên Thủy Luân (ngón vô danh). Đây là **Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Khai Ngộ Ấn** (Sarva dharma- samata- bodhi- mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát bà đạt ma tam ma đá bát-la bát-đa (2) đát tha nghiệt đá nỗ nghiệt đa (3) toa ha (4)”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVA DHARMA SAMATĀ PRĀPTA\_ TATHĀGATA ANUGATA\_ SVĀHĀ

32) Lại hợp 2 tay Định Tuệ làm một. Đặt 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) lên 2 Hỏa Luân (2 ngón giữa), các Luân còn lại như trước. Đây là **Phổ Hiền Như Ý Châu Ấn** (Samanta-bhadra-cintāmaṇi-mudra)



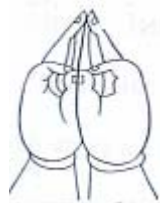
Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tham ma đá nỗ nghiệt đa (2) vi la nhạ đạt ma nễ xã đa (3) ma ha ma ha (4) toa ha (5)”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SAMANTA ANUGATA VIRAJA DHARMA NIRJĀTA\_ MAHĀ MAHĀ\_ SVĀHĀ

33 ) Ngay Hư Tâm Hợp Chương này, co 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) đặt bên dưới Hỏa Luân (ngón giữa) Các Luân còn lại như trước. Đây là **Từ Thị Ấn** (Maitreya- mudra)





Chân Ngôn là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát bà đát tha nghiệt đát phộc lộ cát đa (2) yết lỗ ninh ma dã (3) la la la hàm nhược (4) toa ha (5)”

ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम सर्वतथागतैः  
अवलोकितकरुणामया रा रा रा हूम जाह स्वहा ॥ ॥ ॥ ॐ  
ॐ नमो ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVA TATHĀGATA  
AVALOKITA KĀRUNI-MAYA\_ RA RA RA HŪM JAḤ\_ SVĀHĀ

37) Như trước, dùng tay Định Tuệ tác Không Tâm Hợp Chưởng giống như hoa sen chưa hé nở. Đây là **Đặc Đại Thế Ấn** (Mahā-sthāma-prāpta- mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nhiêm nhiêm sa (2) toa ha (3)”

ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम निम्निम्नसा तौहा ॥ ॐ नमो ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ JAM JAM SAḤ\_ SVĀHĀ

38) Như trước, dùng tay Định Tuệ hướng 5 Luân (5 ngón tay) vào trong thành quyền, nhắc 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) giống như mũi kim nhọn, để 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) lên Phong Luân (ngón trỏ) Đây là **Đa La Tôn Ấn** (Tārā-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đá lệ đá lý nê (2) yết lộ noa ốt-bà phệ (3) toa ha (4)”

ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम दालेदालीने येलोनोअत्तबाफे तौहा ॥ ॐ नमो ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TĀRE TĀRIṆI KĀRUṆA-  
UDBHAVE\_ SVĀHĀ

39) Như Ấn trước, nhắc 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) so le áp cùng nhau. Đây là **Tỳ Câu Chi Ấn** (Bhṛkuṭi-mudra)





Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát bà bột dã đát-la tán nễ (2) hàm sa-phả tra dã (3) toa ha (4)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लृप्त्या स्वहा ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVA BHAYA TRĀSANI HŪM SPHAṬYA\_ SVĀHĀ

40) Như trước đem 2 tay Định Tuệ tác Không Tâm Hợp Chương, đưa Thủy Luân (ngón vô danh) Không Luân (ngón cái) vào trong lòng bàn tay. Đây là **Bạch Xứ Tôn Ấn** (Pāṇḍara-vāsinī-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa vi sái dã tam bà phệ (2) bát đàm-ma mang lý nễ (3) toa ha (4)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ दत्तात्रेय्यै नमो ॐ त्र्यम्बके भ्यो नमो ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVE PADMA-MĀLINI\_ SVĀHĀ

41) Như Ấn trước, co 2 Phong Luân (2 Ngón trỏ) đặt dưới gốc Hư Không Luân (ngón cái) cách nhau giống như hạt lúa mạch. Đây là **Hà Gia Yết Lý Phộc Ấn** (Hayagrīva-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Khư ná dã bạng nhược sa-phả tra dã (2) toa ha (3)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लृप्त्या स्वहा ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HŪM KHĀDAYA BHAMJA SPHAṬYA\_ SVĀHĀ

42) Như Ấn trước, duỗi 2 Thủy Luân (2 ngón vô danh) Phong Luân (ngón trỏ), các Luân còn lại như nắm Quyền. Đây là **Địa Tạng Bồ Tát Ấn** (Kṣīti-garbha-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Ha ha ha (2) tổ đát nồ (4) toa ha (4)**”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः नमः नमः सुखं सुखं सुखं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_HA HA HA SUTANU\_SVĀHĀ

43) Lại chắp 2 tay Định Tuệ thành Không Tâm Hợp Chưởng. Hòa Luân (ngón giữa) Thủy Luân (ngón vô danh) giao kết cùng giữ nhau, đặt 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) trên 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) như hình móc câu, các Luân còn lại như trước. Đây là **Thánh Giả Văn Thù Sư Lợi Ấn** (Ārya Mañjuśrī- mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hê hê, củ mang la (2) vi mục cật-đề, bát tha tất-thể đa (3) sa-ma la sa-ma la (4) bát-la để nhiên (5) toa ha (6)**”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः कुमुदप्रतिष्ठां प्रसूतिं च यत्तु नमः सुखं सुखं सुखं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI PATHĀ STHITA\_SMARA SMARA PRATIJÑĀ \_SVĀHĀ

44) Dùng tay Tam Muội (bàn tay trái) nhắc nghiêng Phong Luân (ngón trỏ) lên giống như hình móc câu. Đây là **Quang Vông Câu Ấn** (Jālinī-prabhāṃkuśa- mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hê hê, củ mang la (2) mang gia nghiệt đa, sa-phộc bà phộc tất-thể đa (3) toa ha (4)**”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः कुमुदप्रतिष्ठां प्रसूतिं च यत्तु नमः सुखं सुखं सुखं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA\_SVABHĀVA STHITA\_SVĀHĀ

45) Liên như Ấn trước, tương tất cả Luân đều hơi co lại. Đây là **Vô Cấu Quang Ấn** (Vimala-prabha-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ củ mang la (2) vi chất đất-la nghiệt  
đề, củ mang la (3) ma nễ sa-ma la (4) toa ha (5)”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुमारे वितरा गति  
कुमारे अनुसमरे स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HE KUMĀRA\_ VICITRA GATI\_  
KUMĀRAM- ANUSMARA\_ SVĀHĀ

46) Như trước, Tay Trí Tuệ (bàn tay phải) nắm quyền, Phong (ngón trỏ) Hỏa  
Luân (ngón giữa) hợp nhau làm một rồi duỗi ra. Đây là **Kế Thiết Ni Dao Ấn** (Keśinī-  
khaḍga-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ hệ củ mang lý kế (2) ná gia nhượng  
nan sa-ma la (3) bát-la để nhiên (4) toa ha (5)”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुमारे नमः कुमारे नमः कुमारे नमः कुमारे नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HE HE KUMĀRIKE  
DAYĀJÑĀNĀM\_ SMARA PRATIJÑAM\_ SVĀHĀ

47) Như trước, tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền, duỗi Hỏa Luân (ngón giữa)  
giống như hình cây Kịch. Đây là **Ưu Bà Kế Thất Ni Kịch Ấn** (Upakeśini-praharaṇa-  
mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tần ná dạ nhượng nan (2) Hệ củ mang  
mang lý kế (3) toa ha (4)”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुमारे नमः कुमारे नमः कुमारे नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ BHINDHAYA AJÑĀNĀM\_ HE  
KUMĀRIKE\_ SVĀHĀ

48) Như trước, tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, duỗi Thủy Luân (ngón vô  
danh) Địa Luân (ngón út). Đây là **Địa Tuệ Tràng Ấn** (Vasu-matī-ketu-mudra)



Chân Ngôn ấy là:



52) Nhấc tay Tỳ Bát xả Na (tay phải) làm tay Thí Vô Úy. Đây là **Thí Vô Úy Giả Ấn** (Abhayamdāda\_mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A bệ diên ná ná (2) toa ha (3)**”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥ अविद्यानां नानां (३) त्वाहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ABHAYAMDĀDA \_ SVĀHĀ

53) Như trước, duỗi Tay Trí (tay phải) nâng cao lên. Đây là **Trừ Ác Thú Ấn** (Apāyamjaha-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A tệt đạt la ninh, tát đỏa đà đôn (2) toa ha (3)**”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥ अतदत्तलनिं, तत्तद्वोदादुं (२) त्वाहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ABHYUD-DHARAṆI SATVA-DHĀTU\_ SVĀHĀ

54) Như trước, đem tay Tuệ (tay phải) che trái tim. Đây là **Cứu Hộ Tuệ Ấn** (Paritrāṇāsaya-mati-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệt ma ha ma ha (2) sa-ma la bát-la đề nhiên (3) toa ha (4)**”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥ हे ममहामहा (२) समलाबतलादे निर (३) त्वाहा (४) ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HE MAHĀ MAHĀ \_ SMARA PRATIÑNAM\_ SVĀHĀ

55) Như trước, dùng tay Tuệ (tay phải) làm như dạng cầm hoa. Đây là **Đại Từ Sinh Ấn** (Mahā-maitryābhyudgata-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Sa-phộc chế đồ ốt-nghiệt đa (2) toa ha (3)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SVACITTA UDGATA\_ SVĀHĀ

56) Như trước, đem tay Tuệ (tay phải) che úp trái tim, hơi co Hòa Luân (ngón giữa). Đây là **Bi Niệm Giả Ấn** (Kāruṇa-mṛḍita-mati-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Yết lỗ ninh một-lệ nê đa (2) toa ha (3)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ KĀRUṆA-MRḌITA\_ SVĀHĀ

57) Như trước, dùng Tay Tuệ (tay phải) làm tướng Thí Nguyện. Đây là **Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não Ấn** (Sarvadaha-prāsamīna-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ phộc la na (2) phộc la bát-la bát-đa (3) toa ha (4)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HE VARADA\_ VARA PRĀPTA\_ SVĀHĀ

58) Như trước, dùng tay Trí Tuệ (tay phải) làm hình tượng như cầm giữ Báu Chân Đà Ma Ni. Đây là **Bất Tư Nghị Tuệ Ấn** (Acintya-mati-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát ma xá bát lý bố la (2) toa ha (3)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVA ĀŚA PARIPŪRAKA\_ SVĀHĀ







66) Như Luân Ấn trước, đây là **Hư Không Tuệ Ấn** (Gagana-mati-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Chước cật-la phộc lạt-để (2) toa ha (3)**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् चक्रवर्ति स्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ CAKRA-VARTTI\_ SVĀHĀ

67) Như Ấn Thương Khư (Śaṅkha: Loa Ấn) lúc trước là **Thanh Tĩnh Tuệ Ấn** (Viśuddhi-mati-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đạt ma tam bà phộ (2) toa ha (3)**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् धर्मसंभव स्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DHARMA SAMBHAVA \_ SVĀHĀ

68) Như Ấn Liên Hoa lúc trước là **Hành Tuệ Ấn** (Cāritra-mati-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Bát đàm-ma la gia (2) toa ha (3)**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् पद्मालया स्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PADMA-ALAYA\_ SVĀHĀ

69) Đồng với Thanh Liên Hoa Ấn lúc trước, hơi hé mở là **An Trụ Tuệ Ấn** (Sthira-mati-mudra)





Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noãn (1) hàm, mãn đà mãn đa (2) mộ tra gia mộ tra gia (3) phộc chiết-lộ ốt-bà phê (4) tát bà đát-la bát-đa để ha đế (5) toa ha (6)”

ॐ नमः सम्यक् वज्रान्मं हूं वव ववयस् मल मलयस् वज्रकृत्स्न मद्रव्यप्रदत्तस् सूक्त ५

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ HŪM BANDHA BANDHAYA\_ MOṬA MOṬAYA\_ VAJRA-UDBHAVE\_ SARVATRA APRATIHATE\_ SVĀHĀ

73) Dùng Kim Cương Tỏa Ấn này, hơi co Hư Không Luân (ngón cái) để giữ Phong Luân (ngón trỏ) sao cho đừng chạm nhau. Đây là **Phần Nộ Nguyệt Yểm Ấn** (Krodha-candratilaka-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noãn (1) Hặt-lợi hàm phát-tra (2) toa ha (3)”

ॐ नमः सम्यक् वज्रान्मं ह्रीं ह्रीं ह्रूं सूक्त ५

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ HRĪM HŪM PHAṬ\_ SVĀHĀ

74) Như trước, dùng tay Định Tuệ nắm quyền, dựng thẳng 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) cùng giữ nhau. Đây là **Kim Cương Châm Ấn** (Vajrasūci-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noãn (1) Tát bà đạt ma nãi phê đạt nễ (2) phạt chiết-la tố chỉ phộc la nê (3) toa ha (4)”

ॐ नमः सम्यक् वज्रान्मं मद्र वयं लव वल वज्रसुख वरुत्सू सूक्त ५

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ SARVA DHARMA NIRVEDHANI VAJRA-SŪCI VARADE\_ SVĀHĀ

75) Như trước, dùng tay Định Tuệ nắm quyền rồi đặt ở trái tim. Đây là **Kim Cương Quyền Ấn** (Vajra-muṣṭi-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa phật chiết-la noãn (1) Tát-phá tra dã, phật chiết-la tam bà phê (2) toa ha (3)**”

ॐ नमः समंता वज्रानाम् स्फटाय वज्रसंभवस्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ SPHAṬAYA VAJRA-SAMBHAVE\_ SVĀHĀ

76) Dùng Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, nhắc cùi chỏ lên hơi hờ. Tay Tuệ (tay phải) cũng nắm quyền rồi duỗi Phong Luân (ngón trỏ) như hình giận dữ đánh nhau. Đây là **Vô Năng Thắng Ấn** (Aparājita-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa phật chiết-la noãn (1) Nột đạt lý-sa ma ha lô sái noa (2) khur nại gia, tát noan đát tha nghiệt đản nhiên củ lỗ (3) toa ha (4)**”

ॐ नमः समंता वज्रानाम् दुरधस्य मत्त रषमस्वहा ॥  
कुर्षस्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ DURDHAṢA MAHĀ-ROṢAṆA KHĀDAYA\_ SARVAṀ TATHĀGATA-AJŅĀM KURU\_ SVĀHĀ

77) Dùng tay Định Tuệ nắm quyền làm thế kích nhau để cùng giữ nhau. Đây là **A Tỳ Mục Khư Ấn** (Abhimukha-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa phật chiết-la noãn (1) Hệ a tỳ mục khư ma ha bát-la chiến noa (2) khur ná dã, khản chỉ la dã tỉ (3) tam ma gia ma nỗ tát-ma la (4) toa ha (5)**”

ॐ नमः समंता वज्रानाम् हे मरुस्य मत्त प्रवृत्तस्वहा ॥  
समस्य मरुस्यस्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ HE ABHIMUKHA MAHĀ-PRACAṆḌA KHĀDAYA KIMCIRĀYASI SAMAYAM-ANUSMARA\_ SVĀHĀ

78) Như tướng ôm Bình Bát lúc trước là **Thích Ca Bát Ấn** (Śākya-patra-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát phộc cật-lệ xa nễ tổ nại ni (2) tát bà đạt ma phộc thủy đa bát-la bát-đa (3) già già na tam mê (4) toa ha (5)**”

ॐ नमः समन्त बुद्धैः सर्व क्लेश निरसुदाना  
सर्व धर्मा वासिता प्रप्ता गगना समा असमा स्वहा  
ॐ प्र नमः समन्त बुद्धैः सर्व क्लेश

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVA KLEŚA NIRSUḌANA\_ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA\_ GĀGANA SAMA ASAMA\_ SVĀHĀ

79) Như Thích Ca Hào Tướng Ấn bên trên, Lại dùng Tay Tuệ (tay phải) chụm các ngón lại, đặt trên đỉnh đầu. Đây là **Nhất Thiết Phật Đỉnh Ấn** (Sarva buddhoṣṇīṣa-mudra)



Chân Ngôn ấy là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) noan noan (2) hàm hàm hàm , phát-tra (4) toa ha (5)**”

ॐ नमः समन्त बुद्धैः तं तं हूं हूं हूं क्लेश सुद्धैः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VAM VAM\_ HŪM HŪM HŪM PHAT\_ SVĀHĀ

80) Dùng tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, duỗi Hỏa Phong Luân (ngón giữa và ngón trỏ), đem Hư Không (ngón cái) để trên Địa Thủy Luân (ngón út và ngón vô danh). Tay Trí Tuệ (tay phải) duỗi Phong Hỏa Luân (ngón trỏ và ngón giữa) đặt vào trong lòng bàn tay Tam Muội, cũng đem Hư Không (ngón cái) đặt trên Thủy Địa Luân (ngón vô danh và ngón út) như trụ ở túi đao. Đây là **Bất Động Tôn Ấn** (Acala-Nātha-mudra)



ॐ नमः सर्व तथगतेश्वरैः सर्व मुखेश्वरैः सर्वैः शूल वज्र मङ्गल त्रयम्  
शिवं शक्तिं शक्तिं नमः ॐ हूं शूलैः

\*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ\_ SARVA MUKHEBHYAḤ\_ SARVATHĀ TRAT CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA KHAM KHAHI KHAHI\_ SARVA VIGHNA HŪM TRAT

81) Như Kim Cương Tuệ Ấn (Vajramati-mudra) lúc trước là **Giáng Tam Thế Ấn** (Trailokya-vijaya-mudra)



ॐ नमो सामन्तवज्रानामहाहाहाविस्मयेसर्वतथागतविषयसर्वसुखे  
 ॐ नमो सामन्तवज्रानामहाहाहाविस्मयेसर्वतथागतविषयसर्वसुखे

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM HA HA HA VISMAYE SARVA TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVE TRAILOKYA-VIJAYA HŪM JAḤ SVĀHĀ

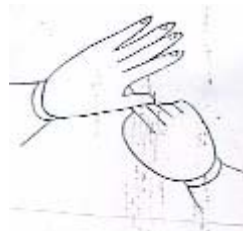
82) Như trước , hợp 2 tay Định Tuệ thành một tướng, các Địa Thủy Luân (ngón út và ngón vô danh) đều hướng xuống dưới, duỗi Hỏa Luân (ngón giữa ) khiến chúng cùng hợp ngọn, 2 Phong Luân (ngón trỏ) để trên lông thứ ba của Hỏa Luân (ngón giữa), 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) đứng ngang nhau như hình 3 con mắt. Đây là **Như Lai Đỉnh Ấn** (Tathāgatoṣṇīṣa-mudra), Mẫu của Phật, Bồ Tát.



ॐ नमो सामन्तबुद्धानामगगानवारेलक्षणेगगानसमयेसर्वतउदगताभिसारासम्भवेज्वालनामोघानामस्वाहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GAGANA VARA LAKṢAṆE GAGANA-SAMAYE SARVATĀ UDGATA ABHISĀRA SAMBHAVE JVALANA AMOGHĀNĀM SVĀHĀ

83) Lại dùng Tay Tam Muội (tay trái) úp xuống rồi duỗi ra. Tay Tuệ (tay phải) nắm quyền rồi nhấc Phong Luân (ngón trỏ) lên giống như hình cái lọng. Đây là **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn** (Sitātapatroṣṇīṣa-mudra)



ॐ नमो सामन्तबुद्धानामसितपत्रोष्णिषामस्वाहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM LAṀ SITĀTAPATRA-UṢNĪṢA SVĀHĀ

84) Như Đạo Ấn lúc trước là **Thắng Phật Đỉnh Ấn** (Jayoṣṇīṣa-mudra)



ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम् सम जयउष्निषा स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ŚAM\_ JAYA-UṢNĪṢA\_ SVĀHĀ

85) Như Luân Ấn lúc trước là **Tối Thắng Phật Đỉnh Ấn** (Vijayoṣṇīṣa-mudra)



ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम् सिसि विजयउष्निषा स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ŚISI\_ VIJAYA-UṢNĪṢA\_ SVĀHĀ

86) Như Câu Ấn lúc trước, Tay Tuệ (tay phải) nắm quyền nâng Phong Luân (ngón trỏ) lên rồi hơi co lại. Đây là **Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn** (Vikiraṇa-paṃcoṣṇīṣa-mudra)



ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम् ह्रुम् विकिरामचक्रउष्निषा स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HRŪM\_ VIKIRAMA PAMCA-UṢNĪṢA\_ SVĀHĀ

87) Như Phật Đỉnh Ấn lúc trước là **Hỏa Tụ Phật Đỉnh Ấn** (Tejoraśi-uṣṇīṣa-mudra)



नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम् ॥ ३७ ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TRĪM\_ TEJORAŚI-UṢNĪṢA \_ SVĀHĀ

88) Như Liên Hoa Ấn lúc trước là **Phát Sinh Phật Đỉnh Ấn** (Abhyudgatoṣṇīṣa-mudra)



नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम् ॥ ३८ ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ŚRŪM\_ UṢNĪṢA\_ SVĀHĀ

Như Ngũ Trí Kim Cương Ấn trước là **Quảng Sinh Phật Đỉnh Ấn** (Mahoṣṇīṣa-mudra)



नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम् ॥ ३९ ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ṬRŪM\_ UṢNĪṢA\_ SVĀHĀ

89) Như Thương Khư Ấn (Loa Ấn) lúc trước là **Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh Ấn** (Anantasvara-ghoṣa-uṣṇīṣa-mudra)



नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम् ॥ ४० ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HŪM JAYA \_ UṢNĪṢA \_ SVĀHĀ

90) Dùng tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền đặt ngay khoảng giữa 2 chân mày là **Chân Đà Ma Ni Hào Tướng Ấn** (Cintāmaṇi-ūrṇā-mudra)





नमः सम्यक् बुद्धानाम् वरादे वरा प्रप्ता

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VARADE VARA PRĀPTA  
HŪM\_ SVĀHĀ

91) Như Phật Đỉnh Ấn lúc trước là **Phật Nhân Ấn** (Buddha-cakṣu-mudra), lại có chút sai khác ấy là tướng tiêu biểu của Kim Cương (Kim Cương Tiêu Tướng)



नमः सम्यक् बुद्धानाम् तथगतं चक्रवर्तिन्यस्य सुते

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA CAKSUR-  
VYĀVALOKAYA\_ SVĀHĀ

92) Đặt tay Trí Tuệ (tay phải) tại trái tim như dạng cầm hoa sen. Duỗi thẳng cánh tay Sa Ma Tha (tay trái) hướng 5 Luân (5 ngón tay) lên trên duỗi ra và đưa hướng ra ngoài. Đây là **Vô Năng Thắng Ấn** (Aparājita-mudra)



नमः सम्यक् बुद्धानाम् ह्रिं ध्रिं रिं ज्रिं सुते

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HŪM DHRIM RIM JRIM\_  
SVĀHĀ

93) Tay Định Tuệ hướng vào bên trong nắm quyền, hướng 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) lên trên rồi co lại như cái miệng. Đây là **Vô Năng Thắng Minh Phi Ấn** (Aparājita-vidya-rājñi-mudra)



नमः सम्यक् बुद्धानाम् अपराजिते जयाम्ति तदिते

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ APARĀJITE JAYAMTI TĀḌITE\_  
SVĀHĀ

94) Dùng tay Trí Tuệ (tay phải) nâng gò má là **Tự Tại Thiên Ấn** (Īśvara-mudra)





ॐ अहो ह्रीं क्लीं ॐ स्वहा ॥

\*)OM\_ ĀBHASVĀREBHYAH\_ SVĀHĀ

99) Định Tuệ cùng hợp nhau, co tròn 2 Hư Không Luân (ngón cái) 4 Luân còn lại cũng như vậy. Đây là **Địa Thần Ấn** (Pṛthivi-mudra)



ॐ पृथिवीयै स्वहा ॥

\*)OM\_ PṚTHIVYAI\_ SVĀHĀ

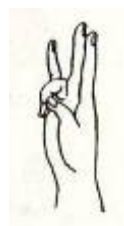
100) Như trước, dùng tay Trí Tuệ (tay phải) làm tướng Thí Vô Úy, đem Hư Không Luân (ngón cái) vào trong lòng bàn tay. Đây là **Thỉnh Triệu Hỏa Thiên Ấn** (Ākarṣaṇa-Agni- mudra)



ॐ अग्नये स्वहा ॥

\*)OM\_ AGNAYE\_ SVĀHĀ

101) Liên dùng hình Thí Vô Úy, đem Hư Không Luân (ngón cái) giữ lóng thứ hai của Thủy Luân (ngón vô danh). Đây là **Nhất Thiết Chư Tiên Ấn** (Sarva Ṛṣim-mudra). Tùy theo thứ tự tương ứng mà sử dụng.



**Phộc Tư Tiên** (Vasu Ṛṣī)

ॐ वसिष्ठाय नमः ॥

\*)OM\_ VASIṢṬA ṚṢIM\_ SVĀHĀ

**A Diệt Lị Tiên** (Atreye Ṛṣī)

ॐ अत्रेय्ये महार्षिभ्यो नमः ॥

\*)OM\_ ATREYE MAHĀ-ṚṢIM\_ SVĀHĀ

**Nghiệt Lật Già Tiên** (Aṅgira Ṛṣī)

ॐ अङ्गिरस्यै नमः ॥

\*)OM\_ ANGIIRA MAHĀ-RṢIM\_ SVĀHĀ

**Kiều Đáp Ma Tiên** (Gautama Rṣī)

ॐ ङीर म म न र ङं र षं न

\*)OM\_ GAUTAMA MAHĀ-RṢIM\_ GARGHA\_ SVĀHĀ

**Vĩ Lý Cù Tiên** (Bhṛgautama Rṣī):

ॐ नृ ङीर म म न र ङं न षं न

\*)OM\_ BHRGAUTAMA MAHĀ-RṢIM\_ SVĀHĀ

102) Như trước, đem tay Định Tuệ hợp cùng nhau, đưa Phong Luân (ngón trỏ) Địa Luân (ngón út) vào trong quyền, các Luân còn lại đều hướng lên trên. Đây là **Diễm Ma Đãn Trà Ân** (Yamaḍaṇḍa-mudra)



ॐ वै व षं न न न न षं न

\*)OM VAIVASVATĀYA\_ SVĀHĀ

103) Tay Tuệ (tay phải) hướng xuống dưới giống như **Kiện tra** (Ghaṁṭa: cái chuông nhỏ). Đây là **Diễm Ma Phi Đạc Ân** (Yamī-mudra)



ॐ यमि न षं न षं न

\*)OM\_ YAMI\_ SVĀHĀ

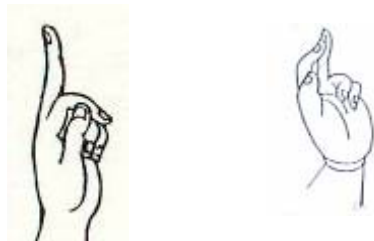
104) Dùng tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, Duỗi Phong Hỏa Luân (ngón trỏ và ngón giữa) là **Ám Dạ Thiên Ân** (Kāla-rātrī-mudra)



ॐ काल रात्रि न षं न षं न

\*)OM\_ KĀLA-RĀTRĪYE\_ SVĀHĀ

105) Liên dùng Ấn này, co Phong Luân (ngón trỏ) là **Lỗ Đạt La Kịch Ấn** (Rudra-praharaṇa\_mudra)



ॐ रूद्रप्रहरणं

\*)OM\_ RAUDRĪ\_ SVĀHĀ

106) Như Ấn trước, làm hình cầm hoa sen là **Phạm Thiên Minh Phi Ấn** (Brahmaṇi-vidyārājñi-mudra)



ॐ ब्रह्मप्रहरणं

\*)OM\_ BRAHMĪ\_ SVĀHĀ

107) Như Ấn trước, co Phong Luân (ngón trỏ) đặt trên lưng lóng thứ ba của Hỏa Luân (ngón giữa). Đây là **Kiều Mạt Ly Thuốc Để Ấn** (Kaumāri-sākti-mudra)



ॐ कौमारीप्रहरणं

\*)OM\_ KAUMĀRĪ\_ SVĀHĀ

108 ) Liên dùng Ấn này, khiến Phong Luân (ngón trỏ) đè trên Hư Không (ngón cái). Đây là **Ná La Diên Hộ Luân Ấn** (Nārāyaṇi-cakra-mudra)



ॐ नारायणप्रहरणं

\*)OM\_ VIṢṆEVI\_ SVĀHĀ

109) Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, khiến Hư Không Luân (ngón cái) thẳng lên trên. Đây là **Diêm Ma Thất Mẫu Chùy Ấn** (Yama-saptamāṭṛka-mudra)



ॐ मृत्तुः स्वहा

\*)OM\_ MĀTRBHYAḤ\_ SVĀHĀ

110) Ngửa tay Định (tay trái) như tướng cầm **Kiếp Bát La** (Kapāla:đầu lâu), là **Giá Văn Tra Ấn** (Cāmuṇḍa-mudra)



ॐ कामुण्डायै स्वहा

\*)OM\_ CĀMUṆḌĀYE\_ SVĀHĀ

111) Như Yết Già Ấn (Khaḍga-mudra: Đao Ấn) lúc trước, là **Niết Ly Để Đao Ấn** (Nṛti-khaḍga-mudra)



ॐ रक्षसाधिपतये स्वहा

\*)OM\_ RĀKṢASA ADHIPATĀYE\_ SVĀHĀ

112) Như Luân Ấn lúc trước, đem tay Tam Muội (tay trái) tác làm. Đây là **Ná La Diên Luân Ấn** (Nārāyaṇa-cakra-mudra)



ॐ विष्णुवे स्वहा

\*)OM\_ VIṢṆUVE\_ SVĀHĀ

113) Dùng chuyển tay Định Tuệ, trái phải cùng đè nhau, là **Nan Đà Bạt Nan Đà Nhị Vân Ấn** (Nanda Upananda-megha-mudra)



ॐ नमो उपनन्दायै स्वहा

\*)OM\_NANDA UPANANDAYE\_SVĀHĀ

114) Như trước, duỗi tay Tam Muội (tay trái) Hư Không Địa Luân (ngón cái và ngón út) cùng bám nhau, là **Thương Yết La Tam Kích Ấn** (Śaṃkara-tripraharāṇa-mudra)



ॐ शंकरायै स्वहा

\*)OM\_ŚAṂKARA\_SVĀHĀ

115) Như trước, duỗi tay Tam Muội (tay trái) Hư Không Địa Luân (ngón cái và ngón út) cùng giữ nhau, là **Thương Yết La Hậu Ấn** (Śaṃkarī-mudra)



ॐ शंकरायै स्वहा

\*)OM\_ŚAṂKARĪYE\_SVĀHĀ

116) Liên dùng Ấn này, duỗi thẳng 3 Luân (3 ngón tay), là **Thương Yết La Phi Ấn** (Śaṃkarī-śakti-mudra)



ॐ शंकरायै स्वहा

\*)OM\_ŚAṂKARĪYE\_SVĀHĀ

117) Dùng tay Tam Muội (tay trái) làm tương hoa sen, là **Phạm Thiên Ấn** (Brahma-mudra)



ॐ प्रजापतये स्वहा

\*)OM\_PRAJAPATAYE\_SVĀHĀ

118) Nhân tác quán trắng tinh, là **Nguyệt Thiên Ấn** (Candra-mudra)



ॐ वक्रयस् सूक्त १

\*)OM\_ CANDRĀYA\_ SVĀHĀ

119) Dùng tay Định Tuệ hiển hiện Hợp Chương, co Hư Không Luân (ngón cái) để bên cạnh Thủy Luân (ngón vô danh). Đây là **Nhật Thiên Xa Lạc Ấn**.



ॐ ऋदिष्टयस् सूक्त १

\*)OM\_ ĀDITĀYA\_ SVĀHĀ

120) Hợp Bát Nhã Tam Muội Thủ (tay phải và tay trái) Hướng Địa Phong Luân (ngón út và ngón trỏ) vào bên trong, Thủy Hỏa Luân (ngón vô danh và ngón giữa) cùng giữ nhau như cây cung. Đây là **Xá Gia Tỳ Xá Gia Ấn** (Jaya-vijaya-mudra)



ॐ जय विजयस् सूक्त १

\*)OM\_ JAYA VIJAYA\_ SVĀHĀ

121) Như Tràng Ấn lúc trước, là **Phong Thiên Ấn** (Vāyu-mudra)



ॐ वायवस् सूक्त १

\*)OM\_ VĀYAVE\_ SVĀHĀ

122) Ngửa tay Tam Muội (tay trái) để ở vành rốn. Tay Trí Tuệ (tay phải) Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) cùng giữ nhau, hướng vào thân vận động như tấu nhạc. Đây là **Diệu Âm Thiên Phú Noa Ấn** (Sarasvati-viṇa-mudra)





नमो नमो नमो बुद्धाय नमो विशुद्धाय नमो स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VIŚUDDHA-SVARAVĀHINI\_ SVĀHĀ

126) Liền dùng Ấn này, duỗi Phong Luân (ngón trỏ). Đây là **Nhất Thiết Dược Xoa Ấn** (Sarva-yakṣa-mudra)



Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Dược khất-sai thấp-phộc la (2) toa ha (3)**”

नमो नमो नमो बुद्धाय नमो यक्षेश्वराय नमो स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ YAKṢEŚVARA\_ SVĀHĀ

127) Lại dùng Ấn này, Hư Không Luân (ngón cái) Địa Luân (ngón út) cùng giữ nhau, duỗi Hòa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ). Đây là **Dược Xoa Nữ Ấn** (Yakṣi-mudra)



Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Dược khất-xoa vĩ nễ-gia đật lý (2) toa ha (3)**”

नमो नमो नमो बुद्धाय नमो यक्षे विशुद्धाय नमो स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ YAKṢA VIDYA-DHĀRI\_ SVĀHĀ

128) Hướng bên trong nắm quyền, duỗi Hỏa Luân (ngón giữa). Đây là **Chư Tỷ Xá Gia Ấn** (Sarva-piśāca-mudra)



Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) bỉ xá già nghiệt để (2) toa ha (3)**”

नमो नमो नमो बुद्धाय नमो पिशाचगतिाय नमो स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PIŚĀCA GATI \_ SVĀHĀ

129) Sửa đổi, co Hỏa Luân (Ngón giữa) là **Chur Tỳ Xá Chi Ấn** (Sarva-piśāci-mudra)



Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Bỉ chỉ bỉ chỉ (2) toa ha (3)**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः पिकि पिकि स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PICI PICI\_ SVĀHĀ

130) Như trước, đem tay Định Tuệ hợp cùng nhau, dựng Hư Không Luân (ngón cái) đứng đều nhau. Đây là **Nhất Thiết Cháp Diệu Ấn** (Sarva-graha-mudra)



Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nguyệt-la hề thấp-mạt lý-gia bát-la bát-đa (2) nhụ đề ma gia (3) toa ha (4)**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ग्रहेश्वर्य प्रपञ्चमयि स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA\_ SVĀHĀ

131) Lại dùng Ấn này, Hư Không Hỏa Luân (ngón cái và ngón giữa) cùng giao nhau. Đây là **Nhất Thiết Chur Tú Ấn** (Sarva-nakṣatra-mudra)



Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Na cật-sái đát-la (2) nễ nang nại nễ duệ (3) toa ha (4)**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः नक्षत्रनिर्जदानीये स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ NAKṢATRA NIRJADANIYE\_ SVĀHĀ

132) Liền dùng Ấn này, co 2 Thủy Luân (2 ngón vô danh) vào trong lòng bàn tay. Đây là **Chur La Sát Sa Ấn** (Sarva-rākṣasa-mudra)



Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) La cật-sái sa địa bát đa duệ (2) toa ha (3)**”

ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम् रक्षसाधिपतये स्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ RĀKṢASA-ADHIPATAYE\_ SVĀHĀ

133) Duỗi tay Tam Muội (tay trái) che khuôn mặt (diện môn) dùng Nhĩ Ha Phộc (jihva: cái lưỡi) liếm chạm lòng bàn tay. Đây là **Chur Trà Cát Ni Ấn** (Sarva-dākinī-mudra)



Chân Ngôn là:

**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hiệt-lý ha, toa ha (2)**

ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम् ह्रीं ह्यं स्वहा ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HRĪḤ HAḤ\_ SVĀHĀ

Này Bí Mật Chủ! Các Ấn Như Lai Thượng Thủ như vậy sinh từ **Như Lai Tín Giải** (Tathāgata-adhimukti) tức đồng với vật tiêu biểu của Bồ Tát, số ấy nhiều vô lượng.

Lại nữa Bí Mật Chủ! Cho đến cử động của các bộ phận thân thể, đi đứng, đứng... cũng đều là **Mật Ấn** (Guhya-mudra) cả. Tương của cái lưỡi là nơi truyền mọi thứ ngôn thuyết. Ông nên biết ấy cũng là **Chân Ngôn**.

Chính vì thế cho nên Bí Mật Chủ! Các Bồ Tát tu Hạnh Bồ Tát theo Chân Ngôn Môn đã phát Tâm Bồ Đề rồi cũng nên trụ vào Như Lai Địa mà vẽ **Mạn Trà La** (Maṇḍala). Nếu khác với điều này thì đồng với tội phỉ báng chư Phật Bồ Tát và vượt **Tam Muội Gia** (Samaya) ắt quyết định đọa vào nẻo ác.

ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ KINH  
\_QUYỀN THỨ TƯ (Hết)\_